

Bản án số: 35/2023/HS-ST

Ngày: 14-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Ngọc Huế

Ông Mai Trọng Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Vũ Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 đối với:

Bị cáo: **Trần Trọng N**, sinh ngày 21/5/2006 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Đặng Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; quá trình nhân thân: Ngày 31/3/2022, bị Công an thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt cảnh cáo về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, ngày 22/9/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/8/2023 cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Trần Văn H (bố bị cáo) và bà Đặng Thị T (mẹ bị cáo); nơi cư trú: Thôn H, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; ông H vắng mặt, bà T có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Dương Tiến D - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T; có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 2003; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn H1, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Em Lê Thị Kim A, sinh năm 2007; nơi cư trú: Số C N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của em Kim A1: Bà Hoàng Thị Kim Y (mẹ của Kim A1); nơi cư trú: Số C N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Minh T1; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3. Chị Hà Thị Tú U; nơi cư trú: Khu V, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn H2; nơi cư trú: Thôn H, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

5. Em Nguyễn Mai Thanh T2, sinh năm 2008; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của em T2: Bà Mai Thị M (mẹ của T2); nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

6. Em Trần Trọng K, sinh năm 2010; nơi cư trú: Thôn H, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên Trần Trọng N sử dụng tài khoản facebook mang tên “Võ Thị Kỳ D1” đăng tải nội dung “hỗ trợ vay vốn, giải ngân nhanh” vào nhóm facebook “vay online”. Ngày 31/3/2023, N nhận được tin nhắn từ tài khoản facebook mang tên “Nguyễn Thị Bích L” của chị Nguyễn Thị Bích L nhắn tin hỏi vay tiền. Nhận được tin nhắn, N giả danh nhân viên ngân hàng nhắn tin trao đổi với chị L thì biết chị L muốn vay số tiền 12.000.000 đồng nên N đưa ra thông tin gian dối yêu cầu chị L cung cấp hình ảnh căn cước công dân để làm hồ sơ và nộp các khoản phí, lệ phí như: Phí làm hồ sơ, phí bảo hiểm, phí kích hoạt khoản vay và một số khoản phí khác để thực hiện thủ tục giải ngân vốn vay. Từ ngày 31/3/2023 đến ngày 04/4/2023, N yêu cầu chị L chuyển khoản để nộp các khoản phí, lệ phí 11 lần với tổng số tiền 12.600.000 đồng vào các số tài khoản ngân hàng do N cung cấp, cụ thể: Chị L sử dụng tài khoản ngân hàng V của mình chuyển tiền 05 lần vào số tài khoản 2105200266 ngân hàng SHB, mang tên “LE THI KIM ANH” với tổng số tiền 4.000.000 đồng; 02 lần vào số tài khoản 0787531234 ngân hàng MB mang tên “LE THI KIM ANH” với tổng số tiền 3.600.000 đồng; 01 lần vào số tài khoản 100871841647 mang tên “NGUYEN MINH TRUNG” với số tiền 600.000 đồng và 03 lần vào số tài khoản 1021224301

ngân hàng S, mang tên “LE THI KIM ANH” với tổng số tiền 4.400.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được N đã sử dụng để tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra, truy xét Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã xác định Trần Trọng N có hộ khẩu thường trú tại xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị L nên đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen.

- Về dân sự: Bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường cho chị L số tiền 12.600.000 đồng, chị L không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSHTTr ngày 31/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà đã truy tố bị cáo Trần Trọng N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 91, Điều 98, Điều 101, Điều 56 Bộ luật Hình sự để tuyên bố bị cáo Trần Trọng N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị xử phạt tù 09 đến 12 tháng tù; tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại bản án số: 73/2023/HS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Về xử lý vật chứng, đề nghị: Tịch thu sung công nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen là công cụ dùng vào việc phạm tội. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Trọng N chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xem xét nhân thân của bị cáo là người chưa thành niên phạm tội và hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng như bị cáo đã bồi thường đủ cho bị hại và người liên quan; đề nghị xử phạt 06 tháng tù.

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo – bà T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Trần Trọng N xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Trần Trọng N trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; cùng các tài liệu chứng cứ khác của vụ án có đủ căn cứ kết luận:

Từ ngày 31/3/2023 đến ngày 04/4/2023, Trần Trọng N đã sử dụng tài khoản facebook mang tên “Võ Thị Kỳ D1” giả danh nhân viên ngân hàng nhắn tin với chị Nguyễn Thị Bích L đưa ra các thông tin gian dối là mình có thể làm thủ tục cho chị Nguyễn Thị Bích L vay tiền và yêu cầu chị L chuyển các khoản phí, lệ phí vào các tài khoản ngân hàng do N cung cấp để giải ngân khoản vay. Thực tế, chị L đã 11 lần chuyển vào tài khoản với tổng số tiền là 12.600.000 đồng và N đã chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân.

[3] Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Bích L số tiền 12.600.000 đồng của bị cáo Trần Trọng N có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Trần Trọng N đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thị xã H.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng: Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét nhân thân của bị cáo và biện pháp chấp hành hình phạt: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần thực hiện các hành vi trái pháp luật nhằm chiếm đoạt tài sản, cụ thể: ngày 31/3/2022, bị Công an thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt cảnh cáo về hành vi “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; ngày 22/9/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo thể hiện sự ý thức coi thường pháp luật, bản thân không tự cải tạo, do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét bị cáo N khi phạm tội là người chưa thành niên, nên cần áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

[7] Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: không ai có yêu cầu gì thêm nên Tòa án không phải giải quyết.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo N phải án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 98, Điều 101, Điều 56 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Trần Trọng N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;
- Xử phạt bị cáo Trần Trọng N 09 (chín) tháng tù;

Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại bản án số: 73/2023/HS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Buộc bị cáo Trần Trọng N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/8/2023).

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen.

Vật chứng nêu trên đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Trọng N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người đại diện của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND tỉnh TT. Huế;
- Sở Tư pháp TT. Huế;
- VKSND thị xã Hương Trà;
- CA thị xã Hương Trà
- CC. THADS TX. Hương Trà;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu án;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hữu Nam